

Nhìn lại giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tại Hàn Quốc và Thái Lan - bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

ThS. TRẦN HUY TÙNG - NGUYỄN MINH PHƯƠNG

Học viện Ngân hàng

Tín dụng ngân hàng là một trong những nguồn vốn quan trọng cho phát triển kinh tế, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển. Tại Việt Nam, sau khi tăng trưởng rất mạnh trong giai đoạn 2007-2011, tốc độ tăng trưởng tín dụng ngân hàng đã giảm mạnh từ năm 2012- nay, gây ra những khó khăn cho nền kinh tế như tổng cầu giảm mạnh, hàng loạt doanh nghiệp rơi vào tình trạng đình trệ, thậm chí phá sản, kết quả là tăng trưởng kinh tế thấp hơn trong những năm vừa qua. Do đó, tháo gỡ nút thắt tín dụng là một trong những giải pháp thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng trở lại trong thời gian tới. Bài báo trình bày kinh nghiệm giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng nhằm khôi phục nền kinh tế tại Hàn Quốc và Thái Lan giai đoạn sau khủng hoảng tài chính châu Á 1997 khi tăng trưởng tín dụng tại các nước này suy giảm mạnh, từ đó, đề xuất một số bài học cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Kinh nghiệm tại Hàn Quốc

Thực trạng tăng trưởng tín dụng tại Hàn Quốc sau khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997

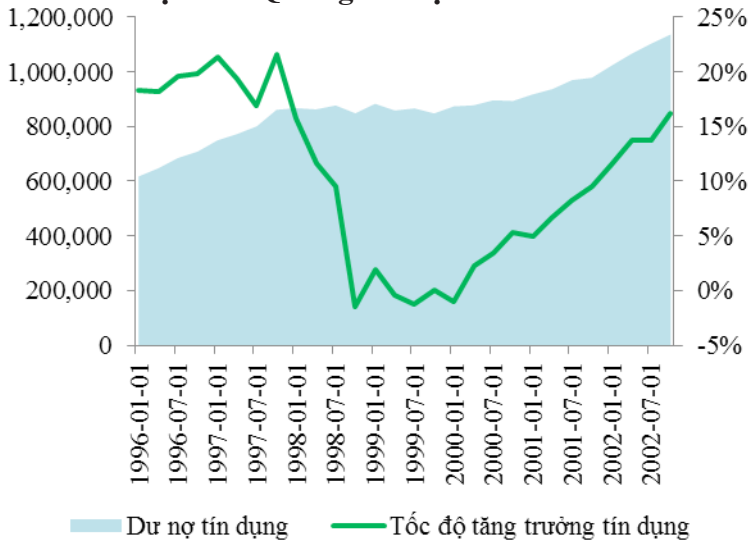
Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 đã gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế Hàn Quốc: thị trường tài chính sụp đổ, đồng won mất giá mạnh, lòng tin của nhà đầu tư và nhu cầu tiêu dùng sụt giảm mạnh, hàng loạt doanh nghiệp phá sản, tỷ lệ thất nghiệp tăng từ mức trung bình 2,5% giai đoạn 1990- 1997 lên mức đỉnh 8,75% vào tháng 2/1999, và tăng

trường GDP thực năm 1998 giảm 5,8% so với năm trước (IMF, 2000).

Những diễn biến này đã khiến tăng trưởng tín dụng suy giảm do: (i) Các ngân hàng không sẵn sàng chấp nhận cấp khoản vay mới khi triển vọng rủi ro tín dụng gia tăng và tình trạng chất lượng tài sản của ngân hàng xấu đi; (ii) việc Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) nâng lãi suất (nhằm ngăn chặn đà mất giá của đồng won) đã khiến nhu cầu tín dụng để đầu tư sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực. Do đó, sau nhiều



Hình 1. Dư nợ tín dụng và tốc độ tăng trưởng tín dụng tại Hàn Quốc giai đoạn 1997-2002



Nguồn: Fred Economic data

năm tăng trưởng với tốc độ hai chữ số với mức trung bình 18,48% trong giai đoạn 1995- 1997, tốc độ tăng trưởng tín dụng cho khu vực tư nhân đã giảm mạnh xuống 1,98% năm 1998 và 1,04% năm 1999 (Hình 1).

Dưới tác động của cuộc khủng hoảng, các ngân hàng thương mại (NHTM) Hàn Quốc cũng đã có xu hướng chuyển từ cấp tín dụng cho doanh nghiệp sang cho hộ gia đình thông qua việc mở

rộng cho vay thế chấp bất động sản, cho vay thế tín dụng. Kết quả là tín dụng cho hộ gia đình đã tăng mạnh trong khi tín dụng cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp lớn giảm mạnh (Hình 2). Tuy nhiên, chính hộ gia đình lại là đối tượng dễ bị tổn thương khi các điều kiện bên ngoài thay đổi theo hướng bất lợi. Do vậy, việc tăng tín dụng cho hộ gia đình đến mức quá cao có thể tiềm ẩn rủi ro cho ngân hàng. Trong khi đó, tín dụng cho khu vực doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) nói riêng bị hạn chế sẽ cản trở khả năng phục hồi nhanh chóng của nền kinh tế cũng như năng lực

sản xuất của nền kinh tế trong trung và dài hạn.

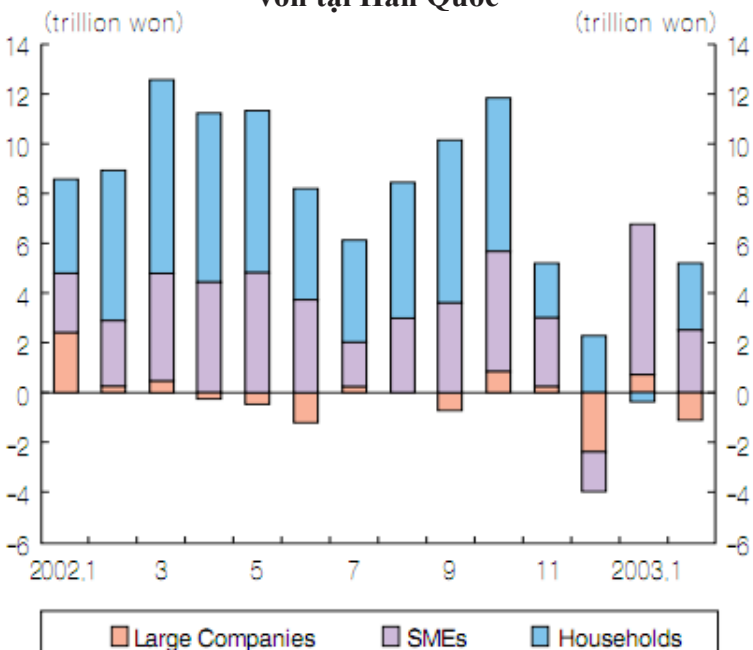
Các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tại Hàn Quốc

Nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng qua đó thúc đẩy sự phục hồi của nền kinh tế, một hệ thống các giải pháp tác động tới cả cung và cầu tín dụng đã được thực hiện từ nhiều phía bao gồm Chính phủ Hàn Quốc, BoK, và các NHTM.

Giải pháp tác động đến cung tín dụng

Thứ nhất, BoK đã gia tăng hỗ trợ ngân hàng mở rộng tín dụng cho khu vực doanh nghiệp thông qua các biện pháp giải quyết khó khăn trong huy động vốn của các ngân hàng. Cụ thể, Ủy ban Chính sách tiền tệ thuộc BoK đã nâng trần hạn mức tổng tín dụng cho toàn hệ thống ngân hàng, qua đó hạn mức tín dụng cho từng ngân hàng cũng được gia tăng nhằm mở rộng khả năng cấp tín dụng của ngân hàng cho nền kinh tế. Sau đó, căn cứ trên những diễn biến về tăng trưởng tín dụng chưa được cải thiện đáng kể, tổng hạn mức tín dụng đã được điều chỉnh tăng lên nhiều lần đồng thời mức lãi suất của công cụ này cũng được giảm tương ứng nhằm giảm gánh nặng chi phí lãi suất cho các doanh nghiệp (Bảng 1).

Hình 2. Cơ cấu tín dụng ngân hàng theo chủ thể vay vốn tại Hàn Quốc



Nguồn: BoK (2003)



Bảng 1. Quy mô và lãi suất công cụ trần hạn mức tổng tín dụng của Hàn Quốc

	Tháng 12/1997	Tháng 3/1998	Tháng 9/1998	Tháng 1/2001	Tháng 9/2001
Trần hạn mức tổng tín dụng (nghìn tỷ won)	4,6	5,6	7,6	9,6	11,6
Lãi suất (%)	5,0	5,0	3,0	3,0	2,5

Nguồn: BoK (2002)

Thứ hai, thực hiện chủ trương tái cấu trúc hệ thống tài chính của Chính phủ, BoK đã triển khai các giải pháp tái cấu trúc hệ thống tài chính

nhằm nhanh chóng khôi phục sự ổn định của hệ thống tài chính, xử lý nợ xấu, tăng cường khung giám sát và quy định an toàn, tạo điều kiện cho tín dụng tăng trưởng trở lại. Các biện pháp này bao gồm:

- Triển khai chương trình bảo hiểm tiền gửi để duy trì lòng tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng đồng thời sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các ngân hàng khi cần thiết.

- Nâng cao chất lượng tài sản của tổ chức tài chính và xử lý nợ xấu thông qua việc yêu cầu minh bạch hơn trong việc báo cáo số liệu về nợ xấu của các ngân hàng, ban hành các quy định về phân loại và trích lập dự phòng theo chuẩn quốc tế, và thành lập Công ty Quản lý tài sản Hàn Quốc (KAMCO) để mua lại các tài sản xấu

KAMCO là một tổ chức tài chính phi ngân hàng thuộc sở hữu của Nhà nước, hoạt động dưới sự giám sát của Ủy ban Giám sát tài chính. Các cổ đông chính của KAMCO là Bộ Tài chính và Kinh tế (chiếm 42,8% vốn điều lệ), Ngân hàng phát triển Hàn Quốc (KDB- chiếm 28,6% vốn) và các định chế tài chính khác (chiếm 28,6% vốn).

Theo Đạo luật quản lý hiệu quả các tài sản xấu của tổ chức tín dụng và thiết lập Công ty Quản lý tài sản của Hàn Quốc, KAMCO sẽ chịu trách nhiệm giải quyết nợ xấu thông qua việc điều hành Quỹ quản lý tài sản xấu (Non-performing Asset Management Fund- Quỹ NPA). Các nguồn thu của quỹ này đến từ các khoản đóng góp của các định chế tài chính, khoản vay từ BoK và KDB, khoản lãi từ việc phát hành trái phiếu có bảo đảm của chính phủ. KAMCO được trao quyền (i) hỗ trợ các tổ chức tài chính thông qua việc nâng cao chất lượng tài sản; (ii) hỗ trợ tái cấu trúc doanh nghiệp bằng cách mở rộng tín dụng, hoán đổi nợ thành vốn chủ sở hữu, và bảo lãnh thanh toán; và (iii) thu hồi vốn thông qua quản lý và xử lý các tài sản có hiệu quả. KAMCO cũng được yêu cầu phải kiểm toán và công bố báo cáo tài chính 6 tháng 1 lần nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của KAMCO.

Các khoản nợ KAMCO mua lại được chia thành 4 nhóm: (i) các khoản nợ thông thường của các doanh nghiệp vẫn đang hoạt động; (ii) các khoản nợ đặc biệt, là các khoản nợ được thụ lý tại tòa; (iii) các khoản nợ của Daewoo do sự sụp đổ của Tập đoàn này; và (iv) các khoản nợ được giải quyết ngoài phạm vi tòa án.

Mức giá trung bình mà KAMCO trả cho các khoản nợ mà công ty này mua là 36% giá trị sổ sách các khoản nợ (chiết khấu 64%). Tuy nhiên mức giá mua thực tế khác nhau đối với từng khoản nợ cụ thể và phụ thuộc vào nhóm nợ xấu được phân loại. Mức giá cao nhất được trả cho nhóm nợ thông thường có bảo đảm là 67% giá trị sổ sách, trong khi mức giá thấp nhất được trả cho nhóm nợ thông thường không có bảo đảm là 11% giá trị sổ sách.

Nhìn chung, hoạt động của KAMCO, thông qua quỹ NPA, được đánh giá là thành công trong việc xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tài sản của các ngân hàng, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng tín dụng.

Nguồn: Dong He (2004)



từ các ngân hàng.

- Cải cách thể chế và hình thành cơ chế quản lý hệ thống tài chính hợp nhất, theo đó hợp nhất tất cả các cơ quan giám sát tài chính trước đây thành một cơ quan duy nhất là Cơ quan Giám sát tài chính. BoK không còn giữ vai trò giám sát trực tiếp hệ thống ngân hàng nhưng vẫn duy trì trách nhiệm giám sát chung với Cơ quan Giám sát tài chính trong việc thanh tra ngân hàng và duy trì trách nhiệm người cho vay cuối cùng để đảm bảo ổn định hệ thống.

- Cùng cố nguồn vốn chủ sở hữu của các ngân hàng thông qua các biện pháp như thu hút vốn đầu tư nước ngoài, quốc hữu hóa ngân hàng, cấp vốn cho các ngân hàng từ ngân sách, và sáp nhập, hợp nhất, mua lại.

Thứ ba, Chính phủ, BoK, và một số bộ, ban, ngành đã tổ chức họp báo, ban hành thông cáo báo chí, và tổ chức diễn đàn nhằm cung cấp thông tin chi tiết về các quyết định chính sách sẽ được thực hiện nhằm nâng cao tính minh bạch và tin cậy của các chính sách thúc đẩy tín dụng.

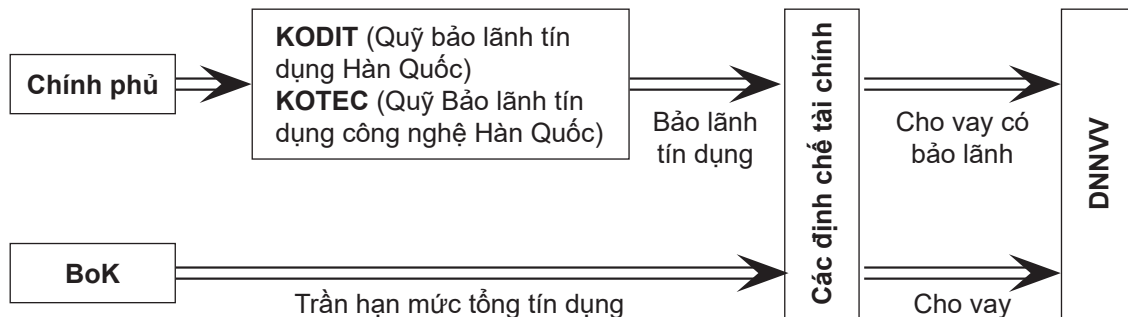
Thứ tư, BoK và Cơ quan Giám sát tài chính tăng cường kiểm tra hoạt động quản lý của các tổ chức tài chính nhằm thu thập thông tin về tình trạng dư nợ của ngân hàng, thái độ của ban điều hành về rủi ro tín dụng trong tương lai, khả năng cấp các khoản vay mới, cầu tín dụng, và khả năng xuất hiện việc thắt chặt tín dụng của các ngân hàng. Những thông tin thu thập được là cơ sở cho việc ra quyết định và thực thi các chính sách tiền tệ và tín dụng trong tương lai.

Giải pháp tác động đến cầu tín dụng

Do tính năng động của khu vực DNNVV cũng như do sự đóng góp quan trọng của khu vực này đối với tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm của Hàn Quốc, DNNVV được xác định là đối tượng hỗ trợ chủ yếu được nhắm đến trong các giải pháp khuyến khích tăng trưởng tín dụng từ phía cầu để giúp nền kinh tế vượt qua khủng hoảng một cách nhanh chóng.

Thứ nhất, Chính phủ Hàn Quốc đã đưa ra một lộ trình tái cơ cấu khu vực doanh nghiệp nhằm nâng cao sức khỏe tài chính và khả năng tiếp

Các chương trình hỗ trợ tín dụng cho DNNVV tại Hàn Quốc



Một số sản phẩm tín dụng tiêu biểu nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng:

- Cho vay với lãi suất tăng dần: Sản phẩm cho vay này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp thiếu vốn lưu động và ngân hàng dự đoán tình hình tài chính của doanh nghiệp vay vốn triển vọng tích cực. Lãi suất ngân hàng tăng dần trong 3 năm từ khi cho vay, ngân hàng có quyền chuyển đổi khoản vay thành vốn góp hoặc trái phiếu chuyển đổi của chính doanh nghiệp vay vốn. Việc này làm cho ngân hàng nắm bắt khá rõ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó phát hiện kịp thời những dấu hiệu rủi ro để có biện pháp phòng tránh hữu hiệu.

- Cho vay theo mạng lưới: Trên cơ sở cam kết thông tin và thư giới thiệu của nhà thầu chính, ngân hàng sẽ cung cấp cho các nhà thầu phụ, các nhà thầu phụ này sẽ mở tài khoản tại ngân hàng. Nhà thầu chính sẽ thông tin cho nhà thầu phụ để trả nợ cho ngân hàng, ngân hàng thu nợ trên cơ sở xét dòng tiền của phương án vay vốn.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả



cận vốn của doanh nghiệp. Quá trình cải cách ban đầu tập trung vào cải thiện khả năng quản trị doanh nghiệp và tăng cường các chính sách cạnh tranh, sau đó tiến hành tái cấu trúc hoạt động và tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp nhằm giảm thiểu mức nợ và củng cố cấu trúc vốn của các doanh nghiệp.

Thứ hai, với sự hỗ trợ của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Ngân hàng Thế giới (WB), Chính phủ Hàn Quốc đã đóng góp 7,5 nghìn tỷ won cho hai quỹ bảo lãnh KODIT và KOTEC để bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp có kế hoạch kinh doanh hiệu quả nhưng thiếu tài sản bảo đảm. Ngoài ra, Chính phủ Hàn Quốc còn đưa ra chương trình phát hành trái phiếu thế chấp nhằm cải thiện tình trạng thanh khoản và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp.

Thứ ba, các NHTM đã xây dựng các sản phẩm tín dụng đặc biệt cho các đối tượng khách hàng khác nhau, đặc biệt là đối tượng DNNVV, nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng qua việc đáp ứng nhu cầu tín dụng của khách hàng.

Kết quả các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tại Hàn Quốc

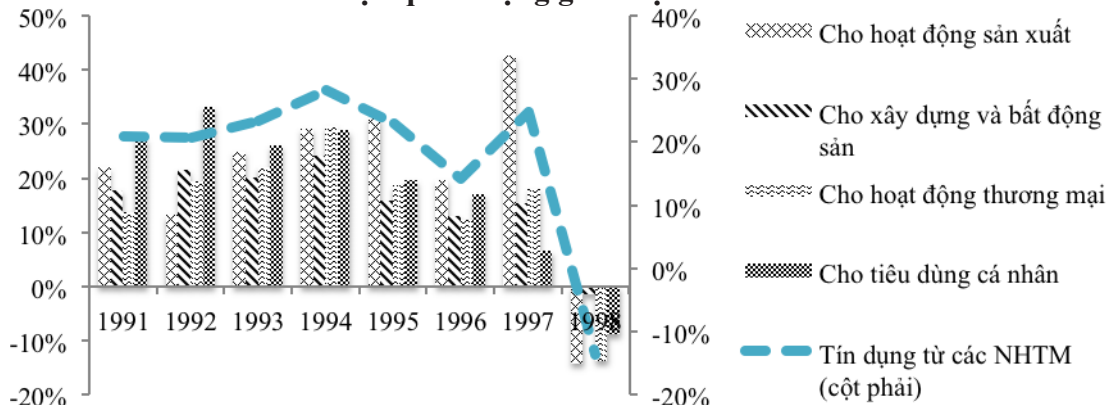
Những nỗ lực kể trên đã mang lại thành công trong việc ổn định thị trường tài chính, thúc đẩy tín dụng ra nền kinh tế. Đây là động lực để thúc đẩy nền kinh tế Hàn Quốc phục hồi và tăng trưởng mạnh trở lại sau cuộc khủng hoảng tài chính. Tín dụng tăng trưởng trở lại do tác động từ cả phía cầu khi đầu tư và tiêu dùng gia tăng trở lại trong bối cảnh nền kinh tế được cải thiện, và

phía cung khi các khó khăn về vốn đã được tháo gỡ. Lợi nhuận các ngân hàng đã được cải thiện từ nửa đầu năm 1999, vốn chủ sở hữu của ngân hàng dần được củng cố, nợ xấu của các ngân hàng giảm dần đã khiến các ngân hàng không còn quá ngần ngại khi cấp khoản tín dụng mới. Kết quả là tín dụng đã tăng 4,99% năm 2000, 11,49% năm 2001 và tiếp tục gia tăng trong thời gian tiếp theo khi nền kinh tế đã phục hồi (Hình 1).

Bên cạnh mục tiêu đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng, Hàn Quốc cũng đã ưu tiên việc tái lập niềm tin của thị trường, ổn định thị trường tài chính sau khủng hoảng và khôi phục lại nền kinh tế với những cơ sở vững chắc cho tăng trưởng trong tương lai. Do vậy, nền kinh tế Hàn Quốc đã trải qua những cải cách mang tính cấu trúc bao gồm: Cải cách hệ thống ngân hàng thông qua xử lý nợ xấu và củng cố hệ thống giám sát ngân hàng; cải cách hệ thống doanh nghiệp tập trung vào cải thiện năng lực quản trị công ty, giảm đòn bẩy tài chính, và củng cố cấu trúc vốn doanh nghiệp; tự do hóa thương mại; và tự do hóa tài khoản vốn. Các chính sách về khuyến khích tăng trưởng tín dụng được thực hiện nằm trong khuôn khổ các chính sách trên. Hơn nữa, các chính sách này đều có độ trễ trong tác động nên cần phải mất một khoảng thời gian (từ năm 1998 đến năm 2000) thì tín dụng mới tăng mạnh trở lại tại Hàn Quốc.

Nhờ vào các biện pháp của BoK, cơ cấu tín dụng tại Hàn Quốc cũng đã chuyển dịch theo

Hình 3. Tăng trưởng tín dụng từ phía các NHTM của Thái Lan trong một số lĩnh vực quan trọng giai đoạn 1991 - 1998



Nguồn: Kawai và cộng sự, 1998



hướng tích cực nhằm cân bằng tỷ trọng tín dụng doanh nghiệp và tín dụng hộ gia đình ở mức hợp lý. Theo đó, tỷ trọng tín dụng cho hộ gia đình đã giảm dần xuống trong khi tín dụng cho DNNVV tăng lên.

Kinh nghiệm tại Thái Lan

Thực trạng tăng trưởng tín dụng tại Thái Lan sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997

Khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 đã khiến tình hình tăng trưởng tín dụng của Thái Lan diễn ra theo chiều hướng xấu đi. Ngay trong năm 1998, tăng trưởng tín dụng của Thái Lan đã giảm xuống mức âm. Tín dụng cho hoạt động sản xuất năm 1997 tăng 43% nhưng tới năm 1998 con số này là âm 14%. Đối với tín dụng xây dựng và bất động sản, tăng trưởng tín dụng trước năm 1997 đạt khoảng 15%, tuy nhiên, năm 1998 chỉ còn âm 1%.

Sự giảm mạnh trong tăng trưởng tín dụng đi kèm với tỷ lệ nợ xấu cao khiến các doanh nghiệp Thái Lan gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay của ngân hàng. Do đó, Chính phủ Thái Lan đã thực hiện nhiều giải pháp mang tính chiến lược nhằm thúc đẩy nền kinh tế thoát khỏi tình trạng suy thoái kinh tế.

Các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tại Thái Lan

Chính phủ Thái Lan đã nỗ lực thực hiện chiến lược phục hồi kinh tế bằng các giải pháp thực hiện trong ngắn hạn và dài hạn. Trước hết, Chính phủ Thái Lan đã có những nhận định chiến lược nhằm tìm ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn như sau:

- Không nên giảm giá đồng nội tệ nhằm khuyến khích xuất khẩu. Sau khủng hoảng tài chính, tăng trưởng kinh tế thường rất chậm, do đó, dù đồng nội tệ có tiếp tục bị phá giá mạnh cũng không thể vực dậy nền kinh tế. Do đó, Chính phủ Thái Lan xác định duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt sau năm 1997.

- Nền kinh tế toàn cầu có khả năng sẽ tăng trưởng chậm lại trong giai đoạn 2000- 2002. Do đó, Chính phủ Thái Lan dự báo hoạt động xuất khẩu sẽ khó khăn hơn, quỹ ngoại tệ để cho vay có thể sẽ bị thu hẹp.

- Dòng vốn ngoại có thể đổi chiều bất cứ lúc nào nên không thể tiếp tục dựa quá nhiều vào nguồn vốn này. Do đó, Chính phủ Thái Lan đặt mục tiêu giảm sự phụ thuộc vào lượng vốn ngoại trong dài hạn.

- Do ngành xuất khẩu gặp khó khăn nên để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trở lại cần kích cầu kinh tế nội địa. Tuy nhiên, Chính phủ phải đảm bảo ngưỡng chi tiêu tài khóa tối đa nên không thể sử dụng chính sách tài khóa trong ngắn hạn như tăng thuế hoặc tăng chi tiêu Chính phủ.

- Số lượng DNNVV của Thái Lan chiếm khoảng hơn 99% tổng số doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp cỡ nhỏ chiếm đa số. Mức đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của Thái Lan sẽ đến từ nhóm DNNVV này, do đó, Chính phủ Thái Lan xác định việc đưa ra các chính sách nhằm khuyến khích khối doanh nghiệp này phát triển.

Từ những nhận định mang tính chiến lược trên, Thái Lan đã thực hiện các chính sách cần thiết nhằm cải thiện cung và cầu tín dụng về mặt số lượng lẫn chất lượng.

Giải pháp về phía cung tín dụng

Thứ nhất, vay vốn từ các tổ chức đa phương, song phương nhằm tạo nguồn vốn cho nền kinh tế. Trước hết, Chính phủ Thái Lan đã vay Tổ chức tiền tệ Quốc tế (IMF) 17,2 tỷ đô la nhằm tái cấu trúc nền kinh tế. Bên cạnh đó, Chính phủ Thái Lan đã ký kết với Chính phủ Nhật Bản chương trình hỗ trợ vay vốn khoảng 1.850 triệu đô la. Trong khuôn khổ của chương trình hỗ trợ này, Ngân hàng xuất nhập khẩu Nhật Bản sẽ cấp 750 triệu đô la tín dụng ưu đãi cho các ngành như công nghiệp chế tạo, Quỹ Kinh tế quốc tế Nhật hỗ trợ tín dụng 250 triệu đô la cho ngành nông nghiệp.

Thứ hai, tập trung xử lý nợ xấu tại các NHTM. Kể từ sau năm 1997, Chính phủ Thái Lan đã có một số sự thay đổi về thể chế như thành lập một số các tổ chức, định chế mới nhằm tập trung giải quyết nợ xấu trong nền kinh tế; ban hành, sửa đổi các văn bản pháp lý liên quan.

Tháng 6/1998, Ngân hàng Trung ương (NHTW) Thái Lan thiết lập một Ủy ban tái cấu trúc doanh nghiệp (CDRAC- Corporate Debt Restructuring Advisory Committee) nhằm



thúc đẩy khung chương trình tái cơ cấu doanh nghiệp tự nguyện (voluntary debt-restructuring framework). Ủy ban cũng có nhiệm vụ đề xuất và phát triển chương trình tái cơ cấu doanh nghiệp tại Thái Lan trong tương lai.

Trong năm 1998 và 1999, đạo luật phá sản của Thái Lan ra đời năm 1940 được sửa đổi; đồng thời, Tòa án Phá sản (CBC- Central Bankruptcy Court) và Văn phòng tái tổ chức doanh nghiệp (Business Reorganization Office) được thành lập.

Năm 1998, để khuyến khích các ngân hàng cơ cấu lại các khoản nợ từ phía doanh nghiệp, NHTW Thái Lan đã nới lỏng quy định về trích lập dự phòng các nhóm nợ vay đã được tái cơ cấu, từ mức 50%, 100% đối với nhóm nợ “không chắc chắn” và “có khả năng mất vốn” xuống mức 20% như đối với nhóm nợ “dưới tiêu chuẩn”. Đồng thời, Ngân hàng Trung ương Thái Lan đã ban hành những hướng dẫn mới cho phép các ngân hàng xử lý các khoản nợ xấu để nâng cao chất lượng các khoản vay trong tương lai và tăng khả năng cho vay khách hàng doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tháng 8/1998, NHTW Thái Lan đã đưa ra giải pháp nhằm tăng vốn cấp 2 cho các NHTM nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu các khoản nợ từ phía doanh nghiệp và tạo nguồn vay cho chính các ngân hàng. Theo đó, Chính phủ sẽ góp một lượng vốn vào ngân hàng như một tổ chức góp vốn để xử lý các khoản nợ xấu hoặc tăng lượng dư nợ cho vay ròng cho nền kinh tế.

Vào tháng 6/2001, Chính phủ Thái Lan đã thành lập Công ty quản lý tài sản (TAMC) thuộc sở hữu Nhà nước. Mục đích của TAMC là giải quyết nợ xấu thông qua việc mua lại nợ xấu từ phía các ngân hàng và quản lý các khoản nợ xấu đó theo mô hình tập trung. TAMC có các quyền lực đặc biệt để hoàn thành mục tiêu hoạt động như có thể thực hiện giải pháp mà Luật Phá sản chưa thông qua và có thể sử dụng tòa án phá sản trung ương để yêu cầu các đối tượng chưa thanh toán được nợ chấp nhận chương trình tái cơ cấu nợ hoặc kế hoạch tổ chức lại hoạt động kinh doanh của công ty. TAMC được sở hữu bởi Quỹ phát triển các định chế tài chính và chính

Quỹ này sẽ bảo đảm phát hành một loại giấy tờ có giá thời hạn 10 năm cho TAMC. Sau khi TAMC mua nợ xấu từ phía các NHTM, TAMC sẽ hỗ trợ “con nợ” về kế hoạch tái cấu trúc công ty. TAMC ưu tiên sử dụng biện pháp hỗ trợ thay vì là thực hiện thanh lý tài sản thế chấp. Phương án thanh lý tài sản chỉ được TAMC thực hiện khi không có sự trung thực từ phía khách hàng có nợ xấu tại ngân hàng.

Thứ ba, thành lập một số tổ chức cho vay tập trung vào các đối tượng ưu tiên. Chính phủ Thái Lan đã đưa ra các giải pháp nhằm hỗ trợ nguồn vốn tín dụng cho các ngành trong nền kinh tế. Một loạt các định chế tài chính được thành lập như Công ty công nghiệp tài chính Thái Lan để cho vay các lĩnh vực công nghiệp; Ngân hàng cho vay DNNVV; Ngân hàng cho vay hoạt động xuất khẩu; Quỹ ngân sách hỗ trợ cho vay nông nghiệp, nông thôn.

Thứ tư, tập trung phát triển khối DNNVV thông qua việc thành lập Ủy ban về DNNVV và tạo nguồn quỹ cho vay khối DNNVV. Với nhận định chiến lược về sự đóng góp quan trọng của khối DNNVV, Chính phủ Thái Lan đã đưa ra kế hoạch 5 năm hướng vào đối tượng này. Do đó, Ủy ban về DNNVV đã được thành lập với người đứng đầu là Thủ tướng. Phó Ủy ban là người từ Bộ Công nghiệp, Bộ Nông nghiệp cùng các thành viên đến từ các bộ khác. Ủy ban thành lập ra một phòng hỗ trợ DNNVV nhằm tăng tính liên kết giữa các ngành nghề, kịp thời xử lý các tình huống phát sinh liên quan tới cơ chế, chính sách. Nguồn ngân sách hỗ trợ cho khối DNNVV cho kế hoạch 2002- 2006 là gần 110 triệu USD, trong đó tới 38% dành cho chương trình quỹ hỗ trợ thành lập mô hình “mỗi làng một sản phẩm” nhằm đẩy mạnh những ngành công nghiệp nhỏ tại khu vực nông thôn. Bên cạnh đó, nhằm tạo ra nguồn huy động lớn hơn cho quỹ cho vay các DNNVV, Ngân hàng cho DNNVV được tái cấu trúc, tăng vốn tự có lên mức khoảng 232 triệu USD. Thay vì trước đây nguồn cung tín dụng cho khối DNNVV của ngân hàng này chỉ dựa vào vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, nguồn cung tín dụng từ năm 2002 có thêm phần huy động từ chứng chỉ tiền gửi với lãi suất thả nổi

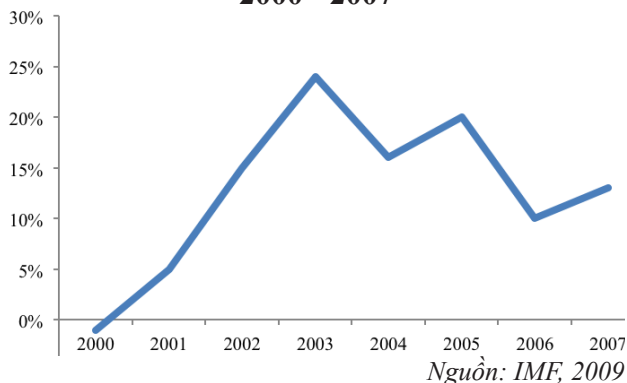


(FRCDs) 40%, trái phiếu 12%, trợ cấp Chính phủ 1%, vốn vay ngắn hạn 14%, tiền gửi 5%, các khoản vay dài hạn 20%, và tiền gửi dài hạn 8%.

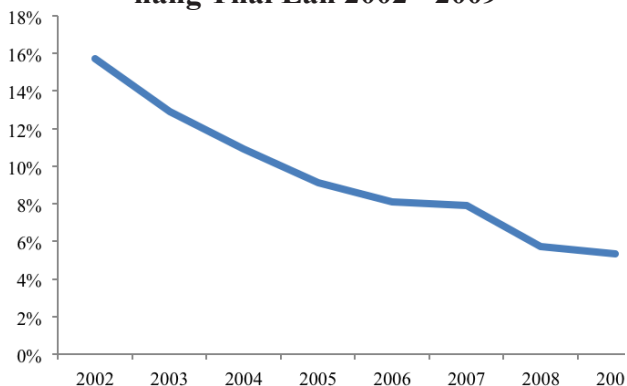
Giải pháp về phía cầu tín dụng

Thứ nhất, thực hiện mạnh mẽ việc kích cầu trong nước thông qua cách đưa ra chính sách tài khóa nới lỏng. Chính sách giảm thuế cho doanh nghiệp, cá nhân đã tạo điều kiện cho cầu hàng hóa, dịch vụ tăng lên. Nhờ đó, Thái Lan trở thành quốc gia có mức thuế VAT thấp nhất trong các nước Đông Nam Á (khoảng 6%- 7%, trong khi con số này tại các quốc gia như Phillipines, Malaysia hay Indonesia là từ 8% trở lên). Đối với chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp, Thái Lan hướng tới mục tiêu ưu đãi thuế thu nhập đối với các DNNVV. Cụ thể, nếu doanh nghiệp có mức thu nhập tới 1 triệu Baht thì mức thuế chỉ còn 15%, nếu thu nhập từ 1 triệu đến 3 triệu baht, con số này là 25%, nếu thu nhập của doanh nghiệp trên 3 triệu baht, mức thuế thu nhập bằng mức thuế thông thường 30%.

Hình 4. Tín dụng hộ gia đình tại Thái Lan 2000 - 2007



Hình 5. Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống Ngân hàng Thái Lan 2002 - 2009



Thứ hai, đưa ra các chương trình bảo lãnh tín dụng. Các chương trình thực hiện bảo lãnh tín dụng sẽ do Công ty bảo lãnh cho kinh doanh nhỏ (một tổ chức phi lợi nhuận) và do Chính phủ đảm nhiệm. Mục đích của việc xây dựng các chương trình này là: (i) hỗ trợ mở rộng tín dụng cho các ngành công nghiệp nhỏ do các tổ chức tài chính cung cấp, (ii) thúc đẩy tín dụng cho các ngành công nghiệp nhỏ trên toàn lãnh thổ, và (iii) thúc đẩy sự phát triển kinh tế theo kế hoạch phát triển kinh tế quốc gia. Theo đó, Công ty bảo lãnh sẽ bảo đảm cho các khoản tín dụng mà các DNNVV vay vốn tại các NHTM hoặc các quỹ SFIs từ mức 10 triệu baht đến 40 triệu Baht. Điều kiện để được bảo lãnh là DNNVV hoạt động trong phạm vi Thái Lan, sở hữu đất hoặc có quyền thuê đất 3 năm. Tỷ lệ bảo lãnh từ 50%- 100% áp dụng cho tất cả các DNNVV có tổng tài sản (không kể đất đai) nhỏ hơn 200 triệu baht. Chi phí bảo lãnh sẽ do ngân hàng thu trực tiếp từ người đi vay và trả lại cho Công ty bảo lãnh với số tiền phí được tính khoảng 1,75%/ năm trên tổng số tiền được bảo lãnh.

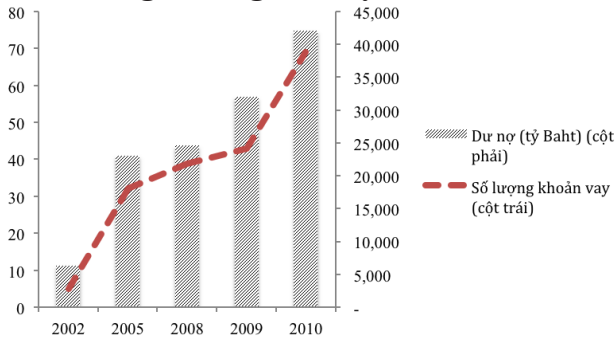
Kết quả các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng tại Thái Lan

Các chính sách kích thích tăng trưởng tín dụng đã mang lại thành công cho Thái Lan trong việc tăng trưởng tín dụng nội địa. Tín dụng đối với khu vực hộ gia đình tăng trưởng khá kể từ năm 2002. Cơ cấu tín dụng tại Thái Lan thay đổi theo hướng tập trung vào tín dụng tiêu dùng và tín dụng cho đối tượng doanh nghiệp cỡ nhỏ.

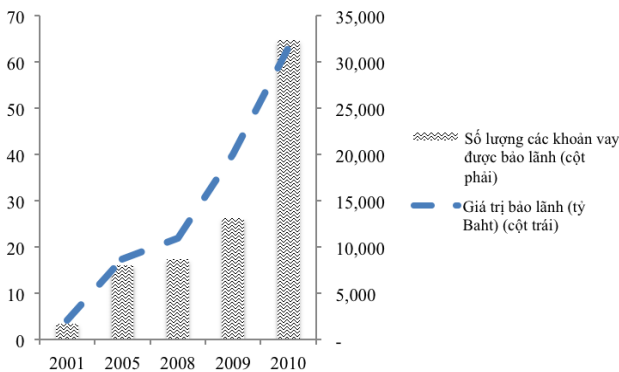
“Giải pháp Bangkok” được CDRAC đề xuất đã góp phần thúc đẩy quá trình tái cơ cấu các khoản nợ của doanh nghiệp. Quá trình tái cơ cấu này diễn ra chậm vào năm 1998 nhưng đã có những tiến triển mới vào năm 1999. Cuối năm 1998, giá trị các khoản nợ được tái cơ cấu đạt 157 triệu Baht. Sau đó, các khoản nợ của một số doanh nghiệp sản xuất lớn (ví dụ như UCOM- với khoản nợ 570 triệu Baht) được tái cơ cấu. Cuối năm 1999, số lượng các chương trình tái cơ cấu được sự đồng thuận của ngân hàng đã tăng lên, giá trị các khoản nợ đã được tái cơ cấu và giá trị các khoản nợ đang trong quá trình tái cơ cấu lần lượt đạt mức 1,07 và 1,12 tỷ Baht. Mặc



Hình 6. Dự nợ và số lượng khoản vay tại ngân hàng cho vay DNNVV



Hình 7. Số lượng và giá trị các khoản vay được bảo lãnh bởi Công ty bảo lãnh cho kinh doanh nhỏ



Nguồn: ADB, 2011

dù có sự cải thiện về giá trị các khoản nợ được tái cơ cấu nhưng tỷ lệ khoản nợ đã được tái cơ cấu so với tổng giá trị các khoản nợ cần tái cơ cấu vẫn ở mức cao, khoảng 47% vào cuối năm 1999 (Kaiwa và cộng sự, 2000). Hơn nữa, tỷ lệ này ở các ngành khác nhau cũng khác nhau, dẫn đầu là ngành xuất khẩu, dịch vụ trong khi ngành xây dựng và bất động sản có tỷ lệ tái cơ cấu giá trị khoản nợ thấp. Do đó, tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng Thái Lan cho đến cuối năm 2000 vẫn ở mức cao (khoảng 17-18%).

Việc thành lập TAMC) vào tháng 6/2001 đã giúp giảm tỷ lệ nợ xấu tại các NHTM Thái Lan. Tỷ lệ nợ xấu tại BankThai vào tháng 10/2001 đã giảm 47%, chỉ còn 3,44% nợ xấu. Tổng giá trị nợ xấu tại ngân hàng KrungThai giảm còn 56,4 tỷ Baht, tương đương với 7,27% nợ xấu. Đối với nhóm ngân hàng tư nhân tại Thái Lan, các khoản nợ xấu cũng được Công ty quản lý tài sản mua, góp phần làm giảm tỷ lệ nợ xấu tại nhóm ngân hàng xuống còn khoảng trung bình 5%. Tóm lại,

tính đến cuối năm 2003, tỷ lệ nợ xấu trong toàn hệ thống ngân hàng Thái Lan đã giảm còn 12% so với mức 17-18% tại cuối năm 2000 (ADB, 2011).

Sự thành lập ngân hàng chuyên cho vay đối tượng DNNVV đã khiến cho dư nợ đối với nhóm DNNVV tại Thái Lan kể từ năm 2002 tăng lên nhanh chóng. Trong số dư nợ đối với DNNVV bình quân có khoảng 32% từ lĩnh vực sản xuất, 23% từ lĩnh vực thương mại, 17% từ lĩnh vực khách sạn. Đi cùng với tăng trưởng tín dụng cho DNNVV, số lượng các khoản vay DNNVV cũng tăng lên. Điều này cho thấy các chính sách ưu đãi về thuế, bảo lãnh tín dụng đối với nhóm DNNVV của Thái Lan đã phát huy tác dụng.

Sự mở rộng của tín dụng nội địa đã khiến cho nền kinh tế Thái Lan tăng trưởng trở lại, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2002 và 2003 của Thái Lan lần lượt là 5,4% và 6,7%. Quá trình tái cấu trúc lại các tổ chức tài chính đặc biệt (SFIs) đã phát huy vai trò khi các tổ chức này đã thu hút lượng tiền huy động lớn và phân bổ các khoản tín dụng vào các lĩnh vực, đối tượng có mức sinh lời tốt, có khả năng kích thích các ngành nghề sản xuất khác, dẫn tới đầu tư tăng nhưng chất lượng đầu tư được đảm bảo.

Bài học cho Việt Nam về giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng

Kể từ năm 2012, nền kinh tế Việt Nam đang đối diện với hai vấn đề: (i) nền kinh tế đang tồn tại nhiều khoản nợ xấu sau một giai đoạn tăng trưởng tín dụng cao; (ii) tín dụng đang tăng trưởng khó khăn do lực cầu yếu. Để giải quyết hai vấn đề này, Việt Nam có thể áp dụng một số kinh nghiệm về giải pháp thúc đẩy tăng trưởng tín dụng của Thái Lan và Hàn Quốc như sau:

- Trong giai đoạn nền kinh tế khó khăn thì việc lấy lại lòng tin của nhà đầu tư là rất quan trọng. Điều này cần thực hiện song song với các chính sách trực tiếp tác động đến tín dụng nhằm góp phần thúc đẩy tăng trưởng tín dụng thành công. Chính phủ và các Bộ ban ngành cần xác định mục tiêu ưu tiên cuối cùng trong quá trình ra quyết định chính sách nhằm giúp việc điều hành và phối hợp các chính sách nhất quán hơn, tăng tính định hướng và lòng tin của thị trường. Đối



với Hàn Quốc, mục tiêu ưu tiên được đặt ra là phục hồi nền kinh tế, theo đó các chính sách, kể cả chính sách tín dụng, được ban hành đều nằm trong khuôn khổ để đạt được mục tiêu này. Đối với Thái Lan, mục tiêu tái cấu trúc toàn bộ nền kinh tế, duy trì môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, áp dụng chính sách lạm phát mục tiêu luôn được Chính phủ Thái Lan tuyên truyền rộng rãi.

- Việc giảm lãi suất là rất quan trọng, giúp các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn cần thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp khác tác động tới cả cung và cầu tín dụng như tái cấu trúc hệ thống tài chính, tái cấu trúc khu vực doanh nghiệp nhằm nâng cao sức khỏe của nền kinh tế nói chung, từ đó thúc đẩy tín dụng tăng trưởng trở lại.

- Xác định chiến lược, định hướng phát triển kinh tế xã hội trong dài hạn. Chiến lược, định hướng này cần có tính tới các yếu tố bên ngoài như tình hình giá cả thế giới, tình hình thị trường xuất khẩu trong tương lai nhằm đưa ra được những khu vực cần ưu tiên phát triển nhưng lại đang thiếu vốn. Từ đó, Chính phủ sẽ có những chính sách ưu đãi phù hợp, dẫn đến dòng tín dụng sẽ chuyển hướng đến các lĩnh vực ưu tiên.

- Thúc đẩy tiến độ xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) nhằm lành mạnh hóa hệ thống tài chính, tạo điều kiện cho hệ thống tiếp tục cấp tín dụng phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Cần phải hoàn thiện hành lang pháp lý về cơ chế hoạt động của VAMC đồng thời phải áp dụng các quy định về kiểm toán và công bố báo cáo tài chính nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong việc quản lý nguồn vốn và xử lý nợ xấu của VAMC.

- Bên cạnh việc xử lý nợ xấu qua VAMC, bản thân các NHTM cần tự nâng cao chất lượng danh mục cho vay của mình. Trong đó, tập trung vào nâng cao chất lượng thẩm định dự án, phương án nhằm hạn chế tình trạng thông tin bất cân xứng. Các NHTM cần định kỳ theo dõi các khoản nợ xấu trong từng lĩnh vực cho vay để từ đó điều chỉnh tỷ trọng tín dụng đối với từng lĩnh vực. Về phía cơ quan quản lý, để cải thiện chất lượng

thẩm định các khoản tín dụng, Chính phủ nên hỗ trợ thành lập các tổ chức tài chính đặc biệt cho vay các ngành nghề, lĩnh vực đặc thù nhằm thay đổi dần cơ cấu tín dụng, góp phần nâng cao hiệu quả tín dụng.

- Tín dụng nên dành ưu tiên cho đối tượng khách hàng là các DNNVV do đây là khu vực doanh nghiệp năng động, có khả năng thích ứng cao và là động lực để thúc đẩy tín dụng cũng nền kinh tế tăng trưởng trở lại. Đối với các doanh nghiệp lớn, cần khuyến khích các doanh nghiệp lớn phát hành trái phiếu hoặc niêm yết trên thị trường chứng khoán hơn là phụ thuộc nhiều vào vốn tín dụng ngân hàng.

- Trong giai đoạn tổng cầu nền kinh tế đang yếu, tín dụng tiêu dùng cũng cần được khuyến khích. Đi cùng với các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn trong việc vay vốn của các DNNVV, các chính sách nhằm tạo ra tăng trưởng khu vực tiêu dùng cũng cần được quan tâm. Khi tiêu dùng tăng thì tác động tới tăng trưởng kinh tế là trực tiếp, hơn nữa, niềm tin của người tiêu dùng sẽ là chỉ báo quan trọng để thúc đẩy đầu tư. Như vậy, bên cạnh việc đẩy mạnh cơ cấu tín dụng vào lĩnh vực sản xuất ưu tiên, tỷ trọng tín dụng cho tiêu dùng cũng đóng vai trò tạo nên sức cầu tín dụng gián tiếp cho khu vực sản xuất, góp phần tăng trưởng tín dụng. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB, 2011, *Thailand: Restructuring of Specialized Financial Institutions, Performance Evaluation Report*.
2. Bank of Korea, 2002, *Monetary Policy Report (January 2001 ~ February 2002)*.
3. Bank of Thailand, 2009, *Thailand's Investment in the Post-Crisis Era: Issues and Challenges*, Bank of Thailand: Bangkok.
4. Borensztein, E., & Lee, J. W., 2000, *Financial crisis and credit crunch in Korea: evidence from firm-level data*. IMF Working Paper WP/00/25.
5. Chudasri, D., 2001, *House-cleaning and caution set the trend*, accessed at <http://www.bangkokpost.com/yearend2001/banking.html>
6. Dong He, 2004, *The Role of KAMCO in Resolving Nonperforming Loans in the Republic of Korea*. IMF Working Paper WP/04/172.



7. FRBSF Economic Letter, number 2004-38, December 24, 2004, "After the Asian Financial Crisis: Can rapid credit expansion sustain growth".

8. IMF, 2000, Republic of Korea: Economic and Policy Developments, IMF Staff Country Report No. 00/11.

9. IMF, 2012, World Economic Outlook, IMF: Washington D.C.

10. Kawai, M., Takayasu, K., 2000, The Economic Crisis and Financial Sector Restructuring in Thailand, A Study

of Financial Markets.

11. Kim, D., 1999, Bank restructuring in Korea. BIS Policy Papers, 6.

12. Mishkin, F., 2010, The Economics of Money, Banking and Financial markets, Pearson: England.

13. Monetary Policy Department, Bank of Thailand. Changes in the monetary transmission mechanism in Thailand.

SUMMARY

Overview of credit promotion measures in Korea and Thailand- lessons for Vietnam

Bank loan is an important source to the economic development, especially to developing countries. In Vietnam, after the substantial growth in lending from 2007 to 2011, the credit change has been following the significant downward trend since 2012, causing aggregate demand decline, bankruptcy and economic growth downturn. Thus, the Vietnamese economic promotion would be in line with the credit rebound. The article presents credit stimulation measures employed by Korean and Thailand governments to recover their economies in light of the Asia Financial Crisis 1997, then proposes implications for Vietnam at the present.

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Trần Huy Tùng, Thạc sĩ

Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu khoa học ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tài chính - Ngân hàng

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ

Email: tranhuytung249@gmail.com

Nguyễn Minh Phương,

Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu khoa học ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Lĩnh vực nghiên cứu chính:

Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải:

Email: nguyenminhphuong3012@gmail.com

Vui cười

Một nha sĩ đang thuyết trình với những người sinh sống trong một bộ lạc về cách vệ sinh răng miệng.

Ông khuyên họ đánh răng bằng cách dùng xơ lá cây với muối chà vào răng.

Vừa lúc đó một người trong bộ lạc ngắt lời nha sĩ: - Thế nếu tôi chỉ dùng kem đánh răng thôi có được không thưa ông.

Thù vợ

Mary chưa kịp định thần, anh chồng đã hét tiếp: "Cẩn thận, cho thêm chút bơ vào! Trời đất ơi, em đang nấu quá nhiều thứ cùng lúc đấy! Đào cái chảo đi, đảo đi!". - Cẩn thêm bơ nữa, trời ạ, thế nào cũng bị dính vào chảo mà xem! Cẩn thận, cẩn thận! Anh đã bảo em rời cơ mà! Em không bao giờ lắng nghe anh cả! Không bao giờ! Hắt quả trứng đi nhanh lên! Em điên à, em bị làm sao đấy? Mà đừng quên cho muối. Em thì lúc nào cũng quên. Muối ấy, nhớ chưa?

Nhìn nhin không được, cô vợ nổi cáu, chăm chăm nhìn chồng: - Anh bị làm sao vậy? Anh nghĩ là em không biết rán mấy quả trứng à?

Anh chồng thần nhiên nhún vai đáp:

Anh chỉ muốn cho em biết là anh cảm thấy thế nào khi anh lái xe mà có em ngồi cạnh.

